

Hồi Ký

Chuỗi Đảo Học Tập

Trần Xuân Hiền, Văn Hóa Vụ

Trời mới đổ tối, tiếng nói chuyện và đùa giỡn ngoài hành lang không còn nữa. Tổ nào về tổ nấy lên chõng nằm ngủ theo quy định của trại. Bảy giờ tắt lửa và cấm tùm năm, tùm ba nhỏ to trong bóng tối. Đời sống trở nên đơn sơ như lùi lại mấy thế kỷ. Trại Trảng Lớn như một hoang đảo, tuy chỉ cách thế giới bên ngoài một hàng rào dây kẽm gai.

Nằm trên chõng làm bằng vỹ sắt lót sân bay, Chín* thấy khó ngủ và thỉnh thoảng trở mình. Một quãng đời trở lại trong trí như mới ngày hôm qua. Từ Hoa Kỳ về đầu năm 73 khi Hiệp Định Paris sắp được ký kết, Chín đi chiến dịch giành dân ở Quảng Nam với SVSQVB, sau đó trở lại quân trường dạy học, rồi tiếp đến dự lễ ra trường SVSQVB Khóa 27.

Qua đầu năm 75, Cộng Sản bắt đầu tổng tấn công đánh chiếm Ban Mê Thuột, rồi Pleiku. Komtum bị bỏ rơi; kế tiếp Quảng Trị, Huế và Đà Nẵng cùng chung số phận. Hết hy vọng, Đà Lạt hấp hối chờ đợi số phận từng phút, từng giờ. Thế rồi một buổi chiều Quân Trường Võ Bị Quốc Gia di tản kéo theo tất cả các cơ quan Thị Xã Đà Lạt và toàn thể dân chúng. Cuộc di tản đau thương và kinh hoàng bắt đầu từ đồi núi cao nguyên xuống Phan Rang, rồi từ đó chạy dọc theo bờ biển cho

đến Hàm Tân, cuối cùng là căn cứ Long Thành, và chẳng bao lâu thì tan hàng.

Hôm mới được chuyển đến trại Trảng Lớn thuộc tỉnh Tây Ninh giữa đêm tối, chúng tôi được dẫn vào dãy nhà khu gia binh. Mọi người mỗi một ngả mình xuống ngủ chẳng biết trời đất gì cả. Khi gần sáng một tên bộ đội ló đầu yêu cầu toán củ hai người đi lãnh thực phẩm.

Ai nấy ngơ ngác không biết ai là tổ trưởng. Khi đó, anh Nghĩa SVSQVB Khóa 23 ngó lại thấy tôi nằm trong góc phòng nói lớn,

- ”Thầy Chín, thầy làm tổ trưởng đi.”

Mọi người nghe anh Nghĩa gọi tôi là thầy thì nhao nhao lên đồng ý.

Ngồi xổm trong góc nhìn chiếc phòng hoang phế, tôi không ngờ cuộc đời mình lại kết thúc vào ngõ cụt như thế này. Đây là những dãy nhà khu gia binh cất bỏ dở trong căn cứ Sư Đoàn 5, nên cửa ngõ còn trống không và nền nhà đầy hang hốc. Tuy mới bỏ hoang một thời gian ngắn, cỏ gai và lau lách mọc um tùm tràn lan vào trong nhà. Nhìn chiếc phòng thảm thương, tôi nghĩ bụng phải dọn một chỗ để có thể đặt lưng nằm ngủ trong thời gian “học tập” một tháng.

Vừa lúc đó hai người được chỉ định mang thực phẩm về gồm một cái chảo 50 lít chứa gạo mốc meo đóng cục, một thau nhôm muối hột lẫn lộn đất đỏ và mấy bắp sù. Nhìn chảo gạo tôi rùng mình khó tin, và nghĩ thâm ăn kiểu này chắc khó gặp lại gia đình. Hồi ở quân trường Thủ Đức tôi được huấn luyện một vài bài căn bản về mưu sinh thoát hiểm, hay sau này thỉnh thoảng đi hành binh tảo thanh, tôi chưa hề ăn thứ gạo mốc như thế này.

Một chốc sau cơm chín, lạ thay không còn thấy mốc meo nữa. Cả tổ ngồi xúm quanh chảo cơm. Ngồi nhai cơm với chút canh bắp sù luộc, tôi thấy bùi trong miệng.

Chúng tôi được lệnh tìm kiếm những vật liệu trong căn cứ, nhưng không được tháo gỡ nhà cửa còn tốt để làm chỗ ở mới. Những tấm vữa sắt làm bãi đáp trực thăng được mang về làm chõng, nhờ vậy mà có chỗ đặt lưng.

Đây là một khu vực thuộc căn cứ Sư Đoàn 5, án ngữ biên giới Campuchia. Căn cứ rộng mênh mông, doanh trại lợp bằng kẽm cát rải rác, và hầm hố phòng thủ chằng chịt. Những lô cốt bỏ hoang giờ đây trông đìu hiu; lát đất có vài ụ súng đồ nát. Một vài trung tâm chỉ huy cất chìm dưới đất với bao cát chất trên mái, đạn pháo binh 105 chất đống một vài nơi, đạn đại liên và đạn M79 rơi rớt khắp nơi. Đây đó một vài căn trại sụp đổ và cháy đen vì bị pháo kích.

Tôi đang thu dọn những cây gỗ một căn nhà sập, thì anh Nguyễn Văn Nghĩa VB K23 đến bên cạnh gọi chuyện,

- “Sau hơn 30 chiến đấu, biết bao người ngã gục chẳng được gì cả. Bây giờ thầy và tôi cùng gặp nhau ở cửa địa ngục này.”

Chín thấy khó trả lời, chỉ còn biết bắt chước người xưa tin vào thời vận, nên trả lời buồn bã,

-”Mệnh nước nổi trôi.”

Đạo đó tuy đầu tháng 6/75 thời tiết bất thường, nhưng luồng gió cuối mùa từ phương Bắc thổi về lạnh buốt. Tôi nằm co ro dưới tấm chăn mỏng, một phần vì căn phòng lộng gió, và một phần khác vì ăn không đủ no. Thỉnh thoảng tôi trở mình khó ngủ.

Ngày này qua ngày kia, mỗi sáng, mọi người được đánh thức đi lao động như thường lệ, và chẳng hề nghe nói đến chuyện được về. Rồi tuần nọ sang tuần kia kéo dài thời gian buồn tẻ.

Một thời gian sau, một số chúng tôi được chuyển từ trại Trảng Lớn Tây Ninh lên trại Xuân Lộc.

Thời gian trôi qua hơn ba tháng, công tác lao động như nhỏ

cột sắt, gỡ hàng rào kềm gai, lấp hầm hố... đã tạm xong. Giờ giấc đi lao động không còn gắt gao như trước, các tên bộ đội dẫn đi lao động kiểm soát một cách chiếu lệ.

Ngày tháng trôi qua, cuộc sống tù đày không hé một tia hy vọng, ngoài lao động loanh quanh trong căn cứ, chẳng thấy chuyện học tập gì cả. Hàng ngày trong sinh hoạt, các tên quân giáo vẫn nhắc đi nhắc lại những câu đầu mồm, như con vẹt, như “lao động tốt, học tập tốt, chấp hành nghiêm...”

Rồi một buổi chiều không ai hay, cả trại được gọi ra sân tập hợp và được chuyển đến một trại khác một cách bí mật. Đoàn xe chạy suốt đêm, khi đến nơi mới biết là Xuân Lộc.

Trại Xuân Lộc là căn cứ Sư Đoàn 18 bảo vệ cửa ngõ vào Sài Gòn. Trong những ngày đầu tháng 4/75, sư đoàn này đã cầm chân và gây thiệt hại nặng nề cho lực lượng cộng sản tiến về Sài Gòn. Căn cứ không hư hao mấy, vài căn trại sụp đổ, và giữa sân còn dấu vết một vài hố bom, vài chiếc chiến xa T54 của Nga Sô chế tạo bị bắn gục nằm rỉ rết ở ngoài hàng rào kềm. Nhưng ngoài chợ Nhỏ Xuân Lộc, sự tàn phá nặng nề hơn, hầu hết các khu phố đều đổ nát và cháy sém, ngôi nhà nào còn lại đều tróc nóc và mang dấu vết bom đạn.

Tên quân giáo sau khi đi phép ở ngoài Bắc về, thấy chúng tôi vẫn còn ở đây thì không khỏi ngạc nhiên và xuống thăm các tổ. Thấy chúng tôi, y đứng lại hỏi thăm. Chẳng biết nói chuyện gì, để phá tan băng tuyết, một bạn mới giả vờ hỏi,

- “Ngoài ta đồi núi đẹp lắm, phải không anh?”

Tên quân giáo như chiếc radio vắn đúng tầng số bắt đầu nói ngoa,

- “Rừng núi ngoài Bắc nhiều vật quý lắm, như rừng Cúc Phương có nhiều cây đại thụ mấy trăm năm và to lớn mà 10 người ôm không hết. Trong rừng có loại bướm to bằng cánh cửa mà một người có thể cỡi được. Loại này quý lắm. Ngoại quốc đòi mua, nhưng Thủ Tướng Phạm Văn Đồng không bán.”

Ai nấy nín cười. Một bạn khác hỏi tiếp,

- “Nghe nói vùng Thái Bình có mỏ dầu khí lớn lắm, phải không anh?”

Tên quản giáo như có cơ hội nói khoác,

- “Nói gì nữa, mỏ dầu khí lớn vô cùng, chỉ cần cắm cọc đu đủ xuống đất là dầu vọt lên và có thể mang về đốt.”

Thấy tên quản giáo nói ngoa say sưa, một bạn khác hỏi thêm,

- “Các phố Hà Nội có nhiều Honda không anh?”

Tên quản giáo trả lời một cách khinh dễ,

- “Thủ Tướng đang thương lượng với Nhật Bản cung cấp những thứ tốt hơn những thứ xe Honda hay TV ở Sài Gòn.”

Nói ngoa như Việt Cộng là vậy.

Cuộc đời lao động kéo dài từ ngày nọ sang ngày kia, và không hứa hẹn ngày về. Mỗi người cố gắng tạo cho mình một trò giải trí để quên cuộc sống tù đày; người đan võng, người đeo gỗ hay cắt nhôm làm kỷ vật cho gia đình. Mỗi lần đi lao động ai nấy cố đào xới tìm kiếm những vật phế thải.

Nhớ lại hồi 30 tháng 4/75, sau một đêm ngủ dậy, tất cả gia đình quân nhân và công chức thấy mình tay không, bởi vì đồng lương hàng tháng không còn nữa, cuộc sống hàng ngày chật vật khó khăn. Để giải quyết cấp thời, những chiếc Honda, tủ lạnh được bán tháo, rồi lần lượt những soong, chén bát, áo quần, giày dép... Các đường phố Sài Gòn biến thành những chợ trời. Có những chợ trời đặc biệt, như chợ Cũ chuyên bán radio, máy Hi Fi đắt tiền, chợ Lê Văn Duyệt bán bàn ghế, chợ Phan Văn Hùng bán xe đạp, chợ Bùng Bình Sài Gòn bán đồng hồ đeo tay... Những đường Lê Thánh Tôn, Gia Long, Nguyễn Huệ, Hàm Nghi, Hai Bà Trưng... đều là chợ trời, và những người bán nơi đây trông quen thuộc. Đó là những bà mẹ, người vợ, người em, hay con hiền lành bỗng nhiên biến thành phường đi buôn.

Đi dọc một vòng chợ trời thấy đủ món hàng, có những món quý dường như là kỷ vật bây giờ được mang ra đây. Khi rời gia đình đi học tập, ai nấy không khỏi nào lòng thấy vợ con thiếu thốn, nên bây giờ ở trong trại tù nhớ về gia đình không khỏi xót xa. Cho nên trong khi rảnh rỗi, mọi người cố gắng làm những kỷ vật như chiếc lược, chiếc vòng tay, hay bộ domino để tặng vợ hay con cái. Rồi bỗng có người làm con dao mang khoe với bạn bè nói,

- “Gia đình ở Sài Gòn bây giờ làm gì có tiền để sắm dao.”

Một số người khác bắt chước làm theo. Không dè tên quản giáo xuống thăm các tổ trông thấy được. Thế là trong buổi tập họp buổi chiều y kiểm điểm,

- “Các anh làm dao với “ý đồ” gì?”

Sau đó các con dao đều bị tịch thu.

Một thời gian sau, tên quản giáo thấy một số người nhặt những quân dụng cũ như áo khaki, nịt vải, nón lưỡi trai, hay bình bi đông, và mang đi lao động. Lại kiểm điểm. Thế là tất cả quân dụng bị tịch thu và đem ra đốt ở trước sân.

Đồng thời nổi lên phong trào đàn hát, những chiếc đàn guitare với thùng làm bằng mái kềm và dây đàn làm bằng dây điện thoại trông rất đẹp và tiếng kêu chẳng kém hay, nhưng sau đó các bài hát bị cấm.

Rồi một tai họa giáng xuống một cách tàn khốc. Kho đạn của quân đội Cộng Sản nổ tung vì bất cẩn. Ban quản trại phó mặc và không có biện pháp cấp cứu hay di tản. Đám người “học tập” mấy trăm người như đàn thú bị vây khốn trong khu rừng cháy, hễ nhà nào chưa sập thì chạy vào núp. Tiếng bom nổ rung chuyển mặt đất, hơi nổ giạt mái kềm và cuộn bay đi, rồi rơi xuống đất kêu loảng choảng. Tiếng đạn trọng pháo bay rít trên đầu, rồi nổ xòà ngoài xa. Đạn súng cối rơi nổ, những mảnh bom rơi trên mái nhà kêu lộp cộp. Có quả không nổ rơi nằm đen thui trước sân, mùi thuốc súng theo gió bay tới hôi khét lẹt.

Trong cơn kinh hoàng không ai còn nhớ đến những bài học ả núp sơ đẳng, hễ vớ được cái gì thì cầm lấy che thân. Người thì cầm chiếc chiếu che mình, người cầm cái chảo che đầu. Tâm lý sợ hãi không khác gì câu chuyện tiểu lâm bà già cầm chiếc ô đỡ bom đạn khi máy bay Quốc Xã tán công thành phố London thời Thế Chiến 2. Trong khi đó các tên quân giáo và bộ đội cầm súng sẵn sàng canh chừng, vì sợ tù chạy trốn. Kho đạn nổ từ sáng đến chiều tối mới chấm dứt. Trại đổ nát trông giống như sau một cuộc dội bom, một số căn nhà sập. May trại chúng tôi ở cách xa kho bom, nên số thương vong không nhiều. Một người chết, một người bị cưa chân, một vài người bị thương nhẹ, trong đó có anh Tư là cầu thủ đội bóng Thương Cảng Sài Gòn ngày trước bị mảnh đạn găm vào bắp chân làm bắp chân teo lại.

Sau tai nạn này, tin đồn gây hoang mang trong dân chúng, nên bọn cầm quyền Cộng Sản mới cho phép người “học tập” viết một lá thư ngắn về nhà, và cấm không được tiết lộ địa chỉ mà chỉ ghi ám số do trại phổ biến.

Trại được tu bổ, một số tổ được chuyển đến một nơi bí mật khác. Một thời gian sau, lại chuyển trại không báo trước, tôi được chuyển đến trại Xuân Lộc 2. Trại này ở cách trại cũ không xa.

Từ đó trại cho phép gia đình thăm nuôi. Chính gặp lại vợ sau gần hai năm xa cách. Tuy làm ăn vất vả, vợ chàng trong bộ bà ba đen vẫn còn duyên dáng và xinh đẹp. Chính ôm lấy vợ và nghẹn ngào nói không ra lời,

- “Gặp em anh như sống lại,”

Chính cầm tay vợ vuốt ve, và tưởng như đang sống trong mộng. Chàng hỏi thăm từ chuyện này sang chuyện nọ không dứt khiến vợ chàng phải thúc giục,

- “Anh hãy ăn đi đã, rồi hỏi tiếp. Sao anh gầy quá?”

- “Sao em không mang các con theo?” Chàng hỏi vợ.

- “Xe lửa chạt lăm, cả ba đưa đều ngoan và khóc đòi đi theo.”

- “Em bới quá. Nhiều thế này hết cả vốn liếng thì làm sao?”
Chín cảm động hỏi vợ.

- “Anh yên tâm, nhờ trời em làm ăn khá đủ tiền để nuôi con và lo cho anh,” Kim vui vẻ trả lời. “Em có mua nửa chục chai Lục Tàn Thủy phòng hồ sợ lâu ngày thèm khát anh ăn nhiều bột thực thì lấy mà dùng.”

Chín cảm thấy sung sướng, hôn nhẹ vào mái tóc vợ thoảng mùi hoa lài, và nghĩ thầm mình may mắn có người vợ hiền.

Thời gian thăm nuôi trôi qua nhanh, mỗi người chỉ được hai tiếng. Khi đưa vợ ra về, Chín thò tay vào túi áo khaki lấy ra chiếc lược nhôm.

- “Anh có vật này tặng em.”

- “Ồ, đẹp quá! Em sẽ không bao giờ lia kỷ vật này.”

Mùa mưa thứ ba trôi qua, ngày về mù mịt. Rồi có lệnh mỗi người đóng một cái đòn để ngồi học tập. Mùa học tập bắt đầu, mùa lao động tạm gác. Cứ mỗi buổi sáng mọi người mang đòn lên hội trường để nghe chính trị viên giảng bài. Đây là những ngày buồn chán trong đời tù đầy.

Ngồi trên chõng, Chín mỉm cười nghĩ thầm cái nghiệp dạy học ngoài đời vẫn đeo đuổi mình đến trại tù. Buổi học tập ở tổ giống như lớp học thầy đồ ngày xưa. Cả tổ ngồi xếp bàn trên chõng, bắt đầu bài hát “Như có...”. Bên ngoài tên quản giáo đi lại kiểm soát, trong khi cả tổ vờ vịt đặt câu hỏi và thảo luận. Qua giờ thứ hai cả tổ bắt đầu lè phè, người xin đi tiêu, người đi uống nước, người đi nấu ăn... Tôi không khỏi thấp thỏm sợ quản giáo đến bắt thân.

- “Thầy Chín! Có gì mà học tập, thôi cả tổ nhờ thầy chọn vài câu hỏi sẵn và nhờ thầy làm biên bản luôn.” Một bạn trẻ nói vừa mỉm cười.

- “Được rồi, dễ thôi. Nhưng các anh phải ‘cắt lính gác giặc

để kịp thời báo động.” Chín lăm lết nhìn ra cửa vừa nói.

Mấy tháng sau vào đầu 77, cả trại được chuyển lên Trảng Táo, cách Xuân Lộc khoảng 60 cây số.

Đây là một lòng chảo, dường như là một Khu Kinh Tế Mới bỏ hoang, nên có sẵn một khu nhà tranh đổ nát. Trại nằm không xa đường xe lửa và ga Trảng Táo. Xe lửa là phương tiện duy nhất để đến đây. Tuy có con đường mòn của xe be làm gỗ, nhưng hang hố và không có xe đò chạy. Đi sâu vào có những rừng tre, mây và tranh, nhưng vùng này thiếu nước. Trong rừng hiếm có cây ăn được và chẳng có nhiều thú rừng.

Người da trắng ham mê rừng nhiệt đới. Vườn Bách Thảo Mt Coot Tha ở thành phố Brisbane cũng có một mảnh rừng nhiệt đới thiết lập trong vòm kiếng có máy điều hòa nhiệt độ. Các cây nhiệt đới được trồng công phu và trông đẹp mắt, nhưng ít ai đặt chân đến rừng nhiệt đới. Đây là loại rừng gồm nhiều thứ cây hỗn tạp mọc chằng chịt, có nhiều tầng. Trên cao là những cây lớn với vô số dây leo buông thòng xuống, cành lá sum sê tạo thành một tàn cây dày đặc ngăn che ánh mặt trời dội xuống dưới đất. Tầng thứ hai là những cây thấp hơn và nhỏ hơn; tầng thứ ba là những bụi cây chằng chịt, và cuối cùng là cỏ gai mọc um tùm.

Muốn đi rừng phải dùng dao chặt cây, phạt cỏ và bụi bờ để làm lối đi. Rừng dày đặc đến nỗi muông thú cũng khó có lối chạy. Cho nên muốn bẫy thú rừng chỉ cần phát cây để làm một đường ruồng và đặt bẫy trên đó. Thế nào cũng bắt được một vài con sóc, chuột hay thỉnh thoảng một con cheo, tức là một loại hươu nhỏ bằng con chó. Con nào con này đều đầy dầu muối đốt, thì đủ biết các đàn muối rừng háu đói dường nào. Đi rừng nên về trước khi mặt trời ngã bóng không thì khó tìm lối ra.

Khi mùa mưa đến, muỗi mòng nhiều vô kể. Hàng hà sa số con vắt nằm trên lá cây chờ thấy hơi người là nhảy bám vào hút máu. Dù có bó ống quần và che cổ kín đến đâu, loại này

đều có thể chun vào người một cách tài tình. Khi về trại cởi áo quần ra mới thấy một vài con đeo bám trên người, hay chỗ kín.

Các trại khác đều được chuyển lên đây mà công tác là phá rừng dọc hai bên con đường xe lửa xuyên Việt để làm rẫy. Sau khi ổn định chỗ ở, tất cả trại được tung ra ngoài để lao động. Hàng ngày hàng ngàn người “học tập” lần đầu tiên được tiếp xúc với thế giới bên ngoài, và dân chúng lần đầu tiên được thấy tận mắt người “học tập”. Đạo đó khối Cộng Sản trên thế giới đang ở thế hùng mạnh, và phong trào vượt biên chưa xuất hiện, nên chúng thách đố người học tập trốn trại. Chúng tin rằng chẳng cần hàng rào dây kẽm, mà chỉ có “hàng rào tư tưởng?!”. Đại cuộc hồng rồi, ai này đều biết thân phận của mình, nên nhẫn nhục sống qua ngày.

Khi lên đây Chín là một con ngựa già, nên được đưa xuống lo nấu ăn cho cả trại, mà công việc là lo củi nước và nấu một vạt cơm hàng ngày vào buổi sáng sớm để mọi người mang đi lao động. Mấy hôm đầu Chín lúng túng vô cùng, vì chưa hề nấu cơm bằng cái vạt. Anh chẳng biết khi nào thì bớt nước, lấy củi, và cào than. Cái vạt đường kính hơn một mét. Khi cơm sôi, một người múc nước cơm, một người bớt củi và cào than để cơm khỏi khô hay cháy. Bếp lửa nóng hực, cơm cạn rất nhanh như nước triều xuống. Khi củi than đã dứt, phải đập nắp thật kín bằng lấy bao bố chêm quanh nắp.

- “Anh Chín! Dậy nấu cơm kéo trễ.” Một người bạn đánh thức Chín.

Anh này vốn là được sĩ Quân Y, thân hình gầy ốm và ít ngủ, là chiếc đồng hồ báo thức của tôi. Choàng tỉnh dậy trên chiếc chõng tre trong túp lều tranh lụp xụp tối tăm, tôi vội vàng đi xuống nhà bếp cuối trại. Ban đêm gió thổi vào rừng cây xào xạc như tiếng sóng triều, thỉnh thoảng tiếng chim ăn đêm kêu đầu trong bụi cây tăng thêm vẻ hoang vắng thê lương.

Ngồi trước bếp lửa cháy rực, thỉnh thoảng củi nổ lách tách bắn đóm lửa tung tóe, lập lòe liếm cái vạt, hay thỉnh thoảng

bốc lên cao khi ngọn gió bên ngoài thổi vào. Tôi quên hẳn trại học tập, và đắm mình trong quá khứ thời thơ ấu xa xôi khi cùng anh chị em thi nhau ngồi canh nồi bánh tét khuya 30 Tết, hay ngồi nghe người vú già kể chuyện ông Táo lên chùa Trời.

- “Anh Chín, cơm sắp cạn.” Người bạn nhắc tôi.

Tôi giật mình tỉnh mộng và vội vàng bớt củi, cào than, rồi đập nắp lại. Tôi ngồi trong góc bếp chờ trời sáng để các tổ mang thau đến chia cơm. Nhìn ra ngoài, trời vẫn còn tối, sao mai lấp lánh, về phía Nam chân trời ửng hồng, có lẽ đó là ánh đèn Biên Hòa – Sài Gòn gọi lên niềm nhớ nhà vô vọng. Chín cảm thấy hiu quạnh, và bỗng thoáng lên một niềm lo sợ, vì không biết còn phải qua bao nhiêu trại nữa trong chuỗi đảo học tập.

* Ngồi thứ trong gia đình.



BÊN ĐÂY NỖI NHỚ.

Lê Anh K27.



Có ai ngờ sương mù ngang núi
Thành phố quen con dốc ngủ vùi
Những chuyến xe vắng người cô độc
Chạy một mình dài nỗi quạnh hiu

*Ngày nhạt nhòa lên từng ngọn cỏ
Sân trường như hai nẻo mấy ngàn
Trời tháng tư hắt sâu hạt bụi
Hội quán buồn soi bóng hương tan*

Không còn nữa cuối tuần đưa đón
Hàng thông già nghe tiếng nghìn sau
Ở đâu đây bồi hồi ngóng đợi
Người bến lòng ngán lệ chờ nhau

*Có khi nào mùa trăng gãy lạnh
Những sao rơi phai sắc mơ đời
Bên đây anh chìm trong thương nhớ
Tình yêu ai, tình vẫn chưa vơi...*

Và em ơi, bên đây nỗi nhớ
Kiếp nào yêu như đã còn nhau
Tình say nồng, tình anh viễn phó
mà không gian nói lại gần nhau

*Có bao giờ bên trời nổi nhớ
Thời gian cao bóng ngả về sau
Em bắt chợt năm chờ tháng đợi
mà xa xăm chẳng còn gặp nhau.*



VU LAN BÁO HIẾU

Hoàng Lan, K27

Đôi vai mẹ gánh còng lưng
Chân đi khắp nẻo trên đường mưu sinh
Bơ vơ nơi chốn một mình
Tinh sương quàng gánh... bình minh chợ phường

*Thân già một nắng hai sương
Thức khuya dậy sớm gánh vươn vai gầy
Tình thương mẹ trải tràn đầy
Có ai hiểu được công này mẹ đâu!*

Âm thầm lặng lẽ từ lâu
Biết bao khó nhọc tiếng sầu chẳng than!
Hôm nay ngày lễ vu lan
Làm con cúi nhận ơn ngàn mẹ ban

*Phật Trời phổ độ bình an
Phúc đầy thọ đến ngập tràn sống lâu
Hiếu đạo hai chữ đi đầu
Kính trên nhường dưới... tiếng sau vẫn còn*

Công cha như núi thái sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Ai ơi còn mẹ còn cha
Chu toàn chữ hiếu mới là phận con.

GIẤC MƠ HÒA GIẢI

Trần Kim Bảng, K20

Những người đã từng đọc lịch sử Nước Mỹ, có lẽ không ai bỏ qua câu chuyện nói về cuộc Nội Chiến Nam-Bắc (Civil War) từ 4/12/1861 đến 5/9/1865 -- được mô tả là cuộc chiến “chống chính sách Nô Lệ” -- đã giết chết gần một triệu người kể cả quân và dân thuộc hai phía, trong gần bốn năm giao chiến kịch liệt; chỉ vì người miền Nam muốn duy trì Chế Độ Nô Lệ, còn người miền Bắc lại muốn hủy bỏ chế độ này.

Cuối cùng, người miền Bắc đã chiến thắng. Thế nhưng trong suốt chiều dài của lịch sử Hoa Kỳ, kể từ ngày tàn chiến cuộc (năm 1865) cho đến nay, đã không có “bên thắng cuộc”, không có “bên thua cuộc”, không có “ta”, không có “địch”, không có “bạn”, không có “thù”, không có “giải phóng” và cũng không có “nô lệ”, mà chỉ có sự đầu hàng với thái độ chân tình đáng khen ngợi của Quân Đội Miền Nam, được Quân Đội Miền Bắc nghênh đón rất trọng thể. Kể từ ngày đó, **toàn thể người dân Mỹ** đã cùng nhau hưởng chiến thắng trong tâm tình hòa bình và thống nhất. Không lấn cấn, không bàn ra, không tán vào..., mọi người đều quên hết chuyện hôm qua!

Cuộc chiến này đã xảy ra vào thời của Tổng Thống thứ 16 của Hoa Kỳ, ông Abraham Lincoln, một luật sư xuất sắc thực

sự yêu công lý và hòa bình, luôn đứng về phía những người có thể bị xã hội loài người đối xử bất công. Ông vừa là người lãnh đạo cuộc chiến chống Nô Lệ, cũng vừa là một nhà hòa giải đại tài, đã giúp làm tan biến nhanh chóng sự chia rẽ giữa Nam và Bắc nước Mỹ ngay sau khi chấm dứt chiến cuộc. Ông đã giúp cho nước Mỹ nhanh chóng thống nhất ý chí ngoài sự mong đợi của mọi người. Ông đã giúp cho toàn thể người Mỹ cùng đứng về phía Công Lý, Hòa Bình, và họ đã cùng với ông có chung một bản *khải hoàn ca* vô cùng ngoạn mục.



Họ cũng như ông, cùng hãnh diện là người Mỹ, cho dù là người miền Nam hay miền Bắc! Chính từ đó, mà ranh giới chia rẽ Nam-Bắc đã biến mất, ranh giới đó có thể nằm ở trong tâm tư, suy tưởng của mỗi người, hay ở ngoài địa lý chính trị, xã hội, nhưng tất cả đều biến mất. Có lẽ trong lịch sử nước Mỹ và ngay cả trên thế giới, không có hoàn cảnh nào tiêu biểu cho Giấc Mơ Hòa Giải đã biến thành sự thật đẹp hơn thế!

Lịch sử nước Mỹ đã ghi đậm nét giấc mơ ấy và đã biến nó thành hiện thực vào ngày 19-11-1863 tại Gettysburg, Pennsylvania bằng bài diễn văn ngắn ngủi -- của Tổng Thống Abraham Lincoln -- chỉ trong vòng chưa đầy ba phút phát biểu nhưng rất long trọng, rất ân cần mà âm hưởng và hình

ảnh của vị Tổng Thống thứ 16 hôm ấy vẫn còn vang vọng mãi đến hôm nay và có thể cả ngày mai. Trong đó ông nhấn mạnh:

**“Chúng ta cần cống hiến cho nhiệm vụ lớn lao còn lại phía trước - từ những người đã chết đáng kính trọng này, chúng ta cần tận tụy nhiều hơn cho chính nghĩa mà họ đã cống hiến như thước đo cuối cùng. Nơi đây chúng ta kiên quyết rằng những người đã ngã xuống này không chết trong tuyệt vọng - rằng quốc gia này, dưới quyền năng của Thiên Chúa, tự do sẽ có khai sinh mới - và chính quyền của dân, do dân, vì dân, sẽ không tàn lụi khỏi trái đất.”*

Như vậy, khi khuếch đại tầm nhìn về phía Lịch Sử Nước Mỹ thì thấy cuộc Nội Chiến (Civil War) tuy đã tạo vô vàn đau thương tang tóc cho người dân, nhưng đồng thời, vô tình -- mà cũng có thể nói là nhờ có nó -- đã thúc đẩy cho mầm mống Hòa Bình, Công Lý, Thịnh Vượng đã tiềm tàng bấy lâu nay ở trong lòng người dân Mỹ, nay được nhanh chóng nở hoa, được phát triển nhiều hơn trước, và nhất là để cho một chính quyền **Của Dân, Do Dân, và Vì Dân** được bèn vững muôn đời.

Thực tế đã cho thấy, 245 năm qua là cả một quá trình đầy quyết tâm và gian khổ để xây dựng thành công nước Mỹ với nền Tự Do/ Dân Chủ sáng chói như ngọn hải đăng trong đêm tối cho cả thế giới. Trong đó, chính quyền và người dân cũng đã phải vượt qua ngưỡng cửa thử thách của bốn năm Nội Chiến (1861-1865) đầy máu và nước mắt. Thật huyền diệu, vết thương kinh hoàng sau chiến cuộc này đã được chữa lành ngay tức khắc! Nhờ vậy, cho đến nay người Mỹ càng tích lũy được nhiều kinh nghiệm hơn trong việc hàn gắn những vết thương chia rẽ, ngõ hầu giúp ích cho công cuộc xây dựng quê hương và điều hành đất nước, càng ngày càng tốt đẹp, mặc dầu Mỹ quốc là một nước “đa chủng tộc, đa văn hóa”.

Thế nhưng có ngờ đâu! Thật đáng buồn! Mới đây, khi nhìn vào cuộc bầu cử Tổng Thống tháng 11 năm 2020 vừa qua mà

không khỏi chạnh lòng. Dường như có một điều gì đó khuất tất, thiếu trong sáng, rất đáng nghi ngờ là có bàn tay phá hoại chuyên nghiệp của “*chủ nghĩa toàn cầu*” muốn giật sập chế độ Dân Chủ lâu năm tại Mỹ. Nó đã gây chia rẽ trầm trọng cùng với những nghi kỵ lẫn nhau đã làm suy yếu niềm tin vào *chính quyền của dân, do dân và vì dân*. “Lá phiếu dân chủ” đã bị đánh cắp (!?) bằng những thủ đoạn dơ bẩn và không còn ai muốn tin vào nền Dân Chủ hiện nay nữa. Sự thật sau đó đã không được tôn trọng, còn sự gian dối lại được khuếch đại ra thêm; và từ đó, một khi niềm tin đã mất thì rất khó tìm lại!

Ai cũng biết, niềm tin và sự thật là cốt lõi của Tôn Giáo, trên quả đất này con người được khuyên là nên tin vào sự thật, và hãy tôn trọng sự thật vì sự thật là đường đi, là ánh sáng, là nguồn sống. Nhưng ngày nay sự thật đang bị che lấp bởi quyền lợi của cá nhân và đảng phái; con người ngày nay sẵn sàng chối bỏ sự thật, sẵn sàng quên đi quyền lợi của Quốc Gia/ Dân Tộc vì uy quyền của ma quỷ và tiền bạc cám dỗ. “*Cái gì không mua được bằng tiền thì sẽ mua được bằng thật nhiều tiền!*” Đây là văn hóa và là “triết lý” lâu đời của Tàu Cộng đã gây ảnh hưởng rất xấu đến nhiều quốc gia trên thế giới đặc biệt là ở các quốc gia nghèo đói, và đây cũng là nguyên nhân của sự mất nước. Mới đây, Sri-Lanka là một quốc gia hiền hòa nhỏ bé ở Á Châu đã bị phá sản, là một điển hình về nạn nhân của “triết lý” trên.

Tôn trọng sự thật là cốt lõi của vấn đề dẫn đến Hòa Giải, nhưng dường như rất khó thực hiện được trong hiện tình nước Mỹ. Vì như chúng ta đã thấy, những hình ảnh Hòa Giải tuyệt đẹp của các bậc tiền bối trong cuộc Nội Chiến năm xưa cũng như trước đó, nay đã và đang bị bè phái gian manh bôi bẩn hoặc bị giật sập, ngay từ trong quốc hội cho đến ngoài công viên, ngay từ khuôn viên nhà thờ cho đến trường học bởi chính người Mỹ. Thật đáng tiếc! Họ làm như thế cũng chỉ vì sợ sự thật thay vì phải nhìn thẳng vào sự thật để giải quyết vấn đề.

Thiết nghĩ, nếu người Mỹ không nhanh chóng sửa chữa

khuyết điểm một cách tận tình, đứng đắn và dứt khoát, thì nó sẽ trở thành nguyên nhân của bạo loạn, làm môi cho chủ nghĩa Cộng Sản bành trướng, mà đây cũng chính là con đường dẫn đến *chủ nghĩa toàn cầu* theo mong ước của “thế lực ngầm”. Chắc chắn và trước hết, nó sẽ phá bỏ bức tường Dân Chủ kiên cố mà bấy lâu nay các bậc tiền bối của nước Mỹ đã dày công xây dựng. Tất nhiên Giác Mơ Hòa Giải, theo đó cũng sẽ không còn cơ hội tồn tại trên mảnh đất của Hoa Kỳ.

Sự thật thì không phải chỉ sau mỗi cuộc chiến lớn, con người mới nghĩ đến Giác Mơ Hòa Giải, mà họ đã nghĩ đến điều đó ở mọi nơi, mọi lúc, vì sự tranh chấp về quyền lợi cho dù là vật chất hay tinh thần giữa các cá nhân với nhau, giữa các tổ chức hay đoàn thể với nhau, vẫn thường xuyên xảy ra hàng ngày, hàng tháng hay hàng năm. Rồi ngay sau đó thì người ta nghĩ đến Hòa Giải, đây là bản chất tốt của con người yêu hòa bình, nhưng cho dù có nghĩ đến, cũng ít người học được kinh nghiệm hiếm có từ cuộc Nội Chiến của Hoa Kỳ như vừa nêu trên. Nếu có học được trên lý thuyết đi nữa thì không dễ thực thi được những tiêu biểu như thái độ đầy chân tình khi quyết định đầu hàng của Quân Đội Miền Nam và sự quang đại đầy cởi mở của Quân Đội Miền Bắc. Tại sao vậy? Vì bản chất cực kỳ xấu xa, tự cao, tự đại của con người, chỉ cho mình là đúng còn tất cả người khác đều sai, đặc biệt là ở những con người Á Châu, đã giết chết nhiều cuộc Hòa Giải. Đây chính là nguyên nhân của:

1) Là chiến tranh lâu dài không lối thoát, có thể là ngay trong các cuộc tranh chấp nội bộ nhỏ giữa các thành viên gia đình hay tổ chức đảng phái

2) Là tái diễn một cuộc chiến mới, tương tự như cuộc chiến trước đó.

Vẫn trong chiều hướng đi tìm Giác Mơ Hòa Giải nhưng chuyển sang một câu chuyện khác; chúng ta hãy thử nhìn về nước Nhật sau Đại Chiến Thế Giới lần thứ hai.

Có lẽ nên bắt đầu bằng câu chuyện *Chiến Hạm USS Arizona của Hoa Kỳ bị Không Quân Nhật Bản tấn công* bắt thành linh tại Trân Châu Cảng (Pearl Harbor), Hawaii, ngày 7-12-1941. Hôm ấy, con tàu của Mỹ bị trúng bom đạn, bị xé làm đôi, từ từ chìm sâu xuống đáy biển, mang theo sinh mạng của 1200 người lính Hải Quân; cùng với hàng ngàn sinh mạng chiến binh khác nữa của các con tàu nhỏ hơn chiếc Arizona, cập bên gần đó cũng bị trúng bom đạn, đã hy sinh.

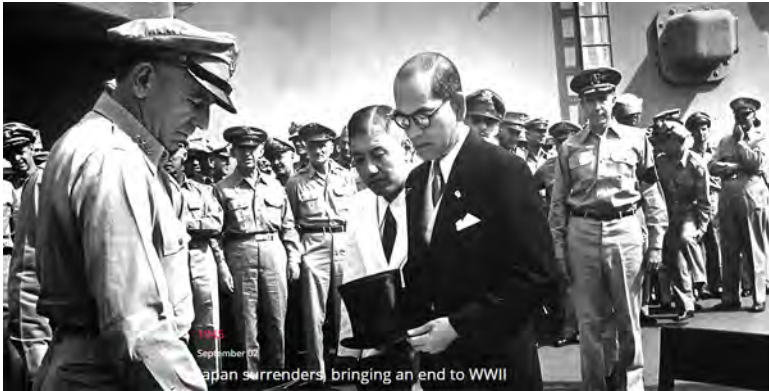
Mãi 75 năm sau, vào tháng 12 năm 2016 Thủ Tướng Nhật Bản, ông Shinzo Abe -- để đáp lễ Tổng Thống Mỹ, ông Barack Obama đến thăm thành phố Hiroshima tháng 5-2016, nơi qua bom nguyên tử mà Không Quân Hoa Kỳ đã cho rơi xuống, giết chết hàng chục ngàn người để trả đũa sau vụ Quân đội Nhật tấn công Trân Châu Cảng -- đã đến thăm và đọc diễn văn tại Arizona Memorial, cúi đầu tưởng niệm các chiến sĩ Hoa Kỳ đã hy sinh trong Trận Chiến này. Trong đó ông có nhắc lại lời nói của Tổng Thống Abraham Lincon:

- *“Cho dù với ai cũng phải hướng đến nhau bằng thiện ý thay vì ác ý. Tất cả chúng ta sẽ cùng hoàn thành nhiệm vụ giữ gìn hòa bình vĩnh viễn.”*

Cũng trong bài diễn văn này, Thủ Tướng Nhật Bản đã nhắc đến một tấm bia khắc ghi tên một vị Đại Úy thuộc Quân Lực Hoàng Gia Nhật Bản đã hy sinh tại đây, nhưng người dựng tấm bia này không phải là người Nhật mà là người Mỹ. Ông ta đã trình trọng ghi trên mộ bia: *“Đại Úy Hải Quân Đế Quốc Nhật Bản”* -- cấp bậc lúc đương thời, người được vinh thăng cấp Tá sau khi bị tử thương -- để tỏ ý tôn kính lòng dũng cảm của một người đã hy sinh đời mình cho Tổ Quốc Nhật Bản mặc dầu không phải là Tổ Quốc của người dựng tấm bia này, mà là kẻ thù vào thời điểm đó. Rõ ràng, người Mỹ đã chẳng có một chút hận thù nào đối với một linh hồn đã đi vào cõi thiên thu (!) và hầu như không có biên cương cho những anh hùng tử sĩ trong mọi trận chiến cho dù là bên này hay bên kia, cho dù là bạn hay thù.

Người đứng đầu Chính phủ Nhật, trong bài diễn văn hôm ấy, cũng cho biết “*sức mạnh của hòa giải*” đã kết nối hai kẻ thù Mỹ - Nhật lại với nhau, thành “*đồng minh hy vọng*”.

Thật vậy, sau khi hai quả bom nguyên tử của Mỹ rơi xuống hai thành phố: Hiroshima ngày 6-8-1945 và Nagasaki ngày 9-8-1945 -- đã giết chết hàng trăm ngàn người, làm cho Chính Quyền Nhật Bản phải đầu hàng vô điều kiện, chấm dứt Đại Chiến Thế Giới lần thứ hai, bằng một văn kiện được ký kết ngày 2-9-1945 -- thì nạn đói kém và bệnh tật tức khắc nảy sinh khắp nơi trên xứ Phù Tang.



Nhật Bản đầu hàng, chấm dứt Thế Chiến Thứ Hai.

Ngay sau chiến tranh, Chính phủ Hoa Kỳ đã gấp gáp, vừa lo xây dựng cơ sở hạ tầng về hành chính, xã hội, y tế, và đặc biệt là Thể Chế Chính Trị Tự Do, Dân Chủ, Bình Đẳng, xóa bỏ chế độ Quân Phiệt Nhật Bản; vừa dồn mọi nỗ lực, giúp xoá tan những hậu quả cực kỳ nguy hiểm của chất phóng xạ.

Người có công trong vai trò lãnh đạo và chỉ huy ở giai đoạn cực kỳ khó khăn đầy phức tạp và tế nhị lúc bấy giờ (tháng 9-1945) là Thống Tướng Douglas MacArthur. Cho mãi đến nay, ông đã được người dân Nhật xếp hạng trong 12 người có công trạng lớn nhất đối với toàn thể nước Nhật và người dân Nhật.

Năm 2001 vừa qua, nhà văn nổi tiếng Nhật Bản, ông Sodei

Rinjiro đã cho xuất bản cuốn sách, tựa đề: “*Tướng MacArthur thân mến, những bức thư gửi từ người Nhật trong thời gian người Mỹ chiếm đóng.*” Trong đó, ông chỉ lựa ra 120 bài hay nhất và cảm động nhất trong số hàng triệu bức thư viết từ người Nhật có tình cảm tha thiết với tướng MacArthur.

Cách Hòa Giải vô cùng độc đáo của người cựu thù đã đưa nước Nhật đến bờ vinh quang, và đã biến hai cựu thù địch thù không đội trời chung của nhau thành “*đồng minh hy vọng*” vững chắc, keo sơn, có cùng chiến tuyến là Tự Do, Dân Chủ, và Bình Đẳng, có thể sẽ muôn đời bền vững.

Lịch Sử của nước ta chưa hề nhắc đến một giấc mơ nào êm đềm đẹp đẽ giống như giấc mơ đã nói ở trên. Ngược lại, chúng ta cảm thấy xấu hổ tột cùng khi nghĩ về mối giận hờn nhỏ nhen của nhà Nguyễn Gia Long đối với nhà Nguyễn Tây Sơn. Tương tự như mối giận hờn, cực kỳ tồi tệ, nhỏ nhen của CS Hà Nội đối với dân tình miền Nam sau ngày 30-4-1975.

Chú Thích:

* Tổng Thống Abraham Lincoln đã đọc bài diễn văn này tại Gettysburg vào ngày 19 tháng 11 năm 1863, với 272 chữ, có lẽ là bài phát biểu quan trọng nhất trong lịch sử Hoa Kỳ.

Tổng Thống Lincoln kết luận:

“It is rather for us to be here dedicated to the great task remaining before us - that from these honored dead we take increased devotion to that cause for which they gave the last full measure of devotion - that we here highly resolve that these dead shall not have died in vain - that this nation, under God, shall have a new birth of freedom - and that government of the people, by the people, for the people, shall not perish from the earth.”

<https://www.the-sun.com/news/1826049/abraham-lincoln-gettysburg-address-civil-war-speech/>